CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 233 ngày 09/6/2020
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng VP TT hiu hiệp
Sao

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/NML/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm.

Địa chỉ: Số 19 Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0856633336 Fax: E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0107472012.

Địa chỉ sản xuất: Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Chứng nhận ISO 22000:2018 hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, số chứng nhận: AQV-40020.1, ngày cấp phép 25/07/2019, được đánh giá bởi tổ chức QRS.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THẠCH HƯƠNG CÀ PHÊ (Coffee flavor jelly)
2. Thành phần: Nước; high fructose corn syrup; đường; bột thạch (E407, E425, E331(iii)); màu thực phẩm: Caramen nhóm I (E150a); chất bảo quản: Kali sorbat, Natri benzoat; chất điều chỉnh độ acid: Acid malic; hương liệu tổng hợp: hương cà phê (>0,01%).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất).
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói: 1kg/hộp/ túi, 1,5 kg/hộp/túi, 2 kg/hộp/túi, 3 kg/hộp/túi, 5 kg/hộp/túi … và khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng.

4.2. Chất liệu bao bì: Hộp nhựa đựng thực phẩm,túi màng PA/PP/PE, Mat OPP/MCPP, thùng carton đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn về vệ sinh ATTP theo quy định của Bộ Y Tế

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

M.S.D.N: 0107472 CÔNG TRÁCH NHIỆ TM VÀ NGUYỆT M Q. ĐỐNG ĐA

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
- Quyết định 46/2017/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ban hành ngày 30/8/2019: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- Thông tư số 28/2010/BYT về ban hành QCKT quốc gia về phụ gia thực phẩm- chất điều chỉnh độ acid

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0107472012-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Trương Thị Thanh Huyền

CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM

Số 19 Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

MẪU TEM NHÃN DỰ KIẾN

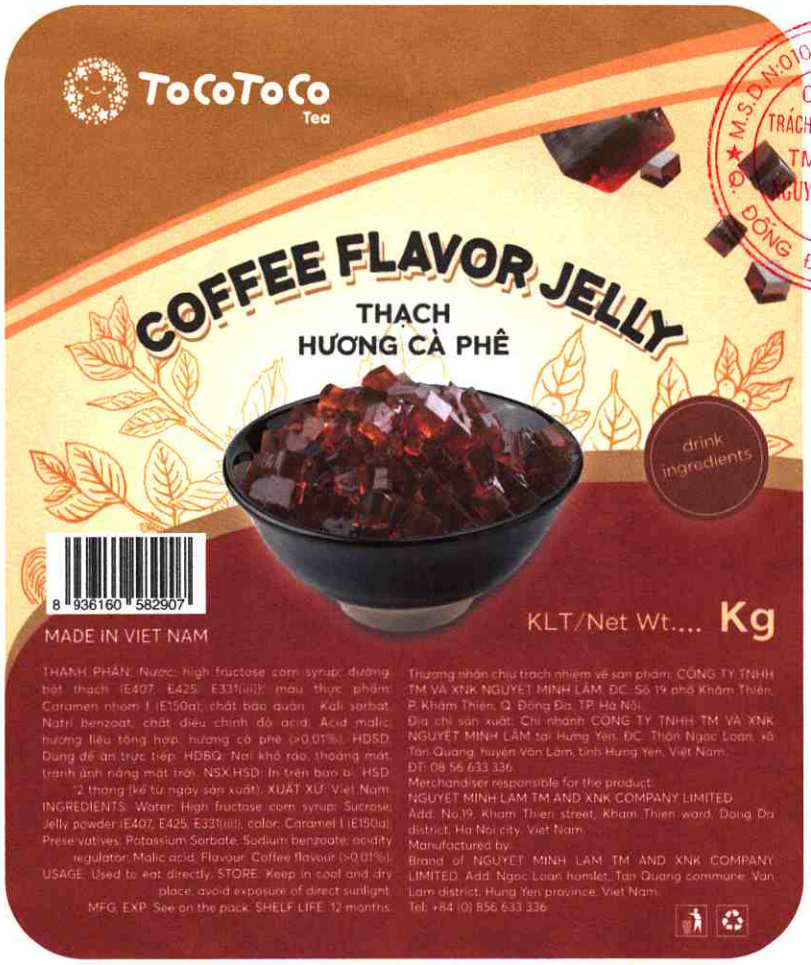

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM
M.S.D.N: 0107472012 - C.T.T.N.H.H
ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Trương Thị Thanh Huyền

CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM

Số 19 Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

MẪU TEM NHÃN DỰ KIẾN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM

GIÁM ĐỐC

Trương Thị Thanh Huyền

Chi Cục ATVSTP Hưng Yên	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	SỐ TC: 05/NML/2020
Công Ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm	Thạch hương cà phê (Coffee flavor jelly)	Có hiệu lực từ ngày Ngày 23 tháng 05 năm 2020

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm Thạch hương cà phê (Coffee flavor jelly)

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm dạng thạch, giòn, dai

- Màu sắc: Màu nâu đến nâu đen

- Mùi vị: Vị ngọt, mùi thơm đặc trưng

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$1x10^4$
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E.coli*	CFU/g	3
4	*S.aureus*	CFU/g	10
5	*Cl.perfringens*	CFU/g	10
6	*B.cereus*	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/g	$1x10^2$

1.4. Hàm lượng kim loại nặng

Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	1,0

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn (hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất khác).

Áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

2. Thành phần nguyên liệu:
Thành phần: Nước; high fructose corn syrup; đường; bột thạch (E407, E425, E331(iii)); màu thực phẩm: Caramen nhóm I (E150a); chất bảo quản: Kali sorbat, Natri benzoat; chất điều chỉnh độ acid: Acid malic; hương liệu tổng hợp: hương cà phê (>0,01%).

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất)

- Ngày sản xuất: In trên bao bì.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

4.1. Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp

4.2. Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

5.1. Quy cách đóng gói: 1kg/hộp/ túi, 1,5 kg/hộp/túi, 2 kg/hộp/túi, 3 kg/hộp/túi, 5 kg/hộp/túi … và khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng.

5.2. Chất liệu bao bì: Hộp nhựa đựng thực phẩm, túi màng PA/PP/PE, Mat OPP/MCPP, thùng carton đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn về vệ sinh ATTP theo quy định của Bộ Y Tế

6. Quy trình sản xuất: (xem phụ lục – kèm thuyết minh chi tiết).

7. Các biện pháp phân biệt thật, giả (nếu có).

8. Nội dung ghi nhãn (hoặc nhãn đang lưu hành): theo mẫu đính kèm

9. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

- Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm
Địa chỉ: Số 19 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 0856633336.

- Xuất xứ: Việt Nam

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM

GIÁM ĐỐC

Trương Thị Thanh Huyền

Quy trình sản xuất Thạch hương cà phê (Coffee flavor jelly)

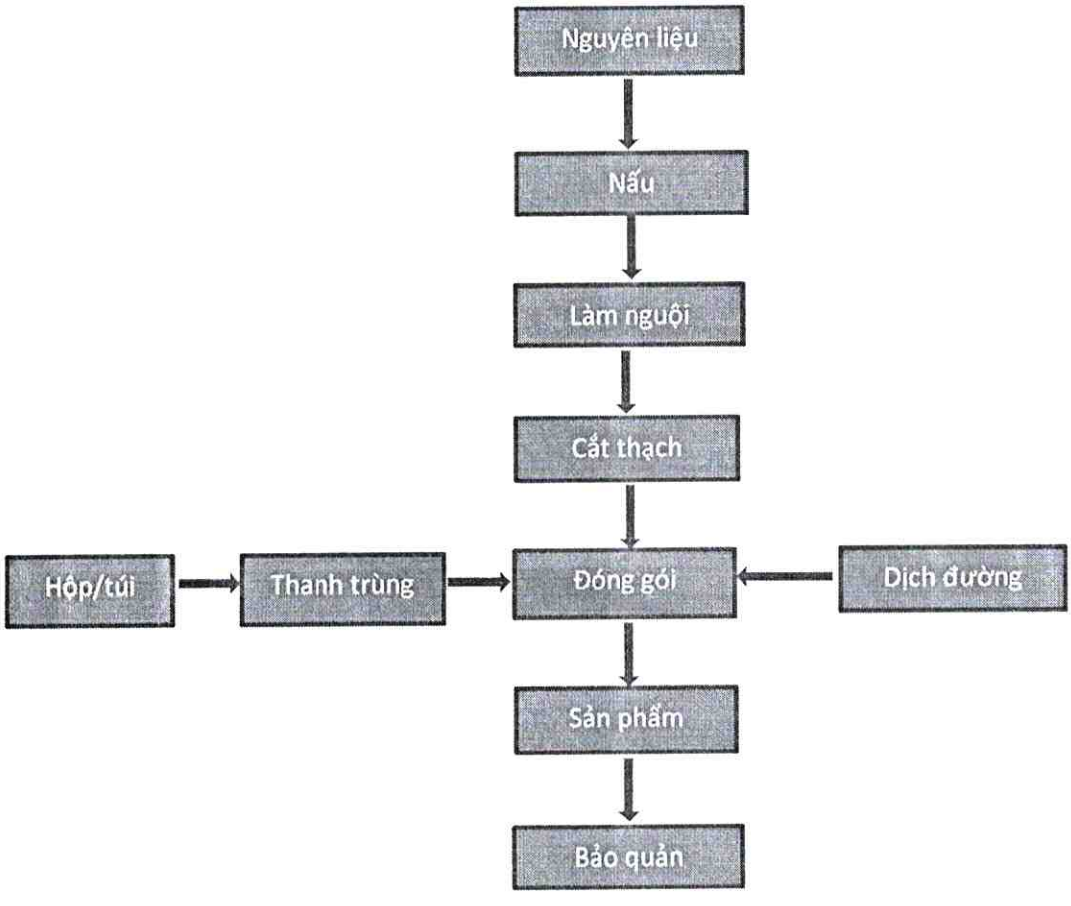

Thuyết minh quy trình sản xuất Thạch hương cà phê (Coffee flavor jelly)

1. Nguyên Liệu:

Nước; high fructose corn syrup; đường; bột thạch (E407, E425, E331(iii)); màu thực phẩm: Caramen nhóm I (E150a); chất bảo quản: Kali sorbat, Natri benzoat; chất điều chỉnh độ acid: Acid malic; hương liệu tổng hợp: hương cà phê (>0,01%) trước khi cho vào nồi nấu phải kiểm tra, đảm bảo không có tạp chất.

2. Nấu

Hỗn hợp trên được nấu trong nồi 2 vỏ có cánh khuấy đến khi đạt nhiệt độ yêu cầu chất lượng

3. Làm nguội

Thạch sau khi nấu chín, được xả ra khay, làm nguội đến nhiệt độ tiêu chuẩn

4. Cắt thạch

Thạch được cắt nhỏ theo kích thước yêu cầu

5. Đóng gói

Thạch sau khi cắt nhỏ đạt kích thước têu chuẩn, được cho vào hộp/túi, sau đó rót đường high fructose corn syrup vào hộp/túi theo tỉ lệ tiêu chuẩn. Túi được hàn kín miệng.

6. Bảo quản

Thành phẩm được bảo quản ở điều kiện thường.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1
Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 • Fax: 024 38361199 • Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 • Fax: 024 32191001

Quatest 1

VILAS 028

Số/No: **2020/957/TN4**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BẢN SAO

TEST RESULT

1.Tên mẫu thử/*Name of sample:* **Thạch hương cà phê – Coffee flavor jelly**
2.Khách hàng/*Customer:* Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm
Địa chỉ: Số 19, phố Khâm Thiên, p.Khâm Thiên, q.Đống Đa, tp Hà Nội, Việt Nam
(Nguyet Minh Lam TM and XNK company limited No.19, Kham Thien street, Kham Thien ward, Dong Da district, Ha Noi city, Viet Nam.)
3.Số lượng mẫu/*Quantity:* 01 hộp/ *01 box*
4.Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 11/05/2020
5.Tình trạng mẫu/*Status of sample:* Mẫu đựng trong hộp kín/ *Same in closed box*
6.Thời gian thử nghiệm/*Test duration:* Từ ngày/*From:* 11/05/2020 đến ngày/*To*: 22/05/2020

STT *Item*	***Tên chỉ tiêu*** *Specifications*	***Đơn vị*** *Unit*	***Phương pháp thử*** *Test methods*	***Kết quả*** *Results*
1.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí *Total aerobic bacteria*	CFU/g	ISO 4833-1:2013	< 1,0 x 10^1
2.	Coliforms	MPN/g	ISO 4831:2006	Không có/ *nil*
3.	E.coli	MPN/g	ISO 7251:2005	Không có/ *nil*
4.	Tổng số nấm men, nấm mốc *Total yeast and mold*	CFU/g	ISO 21527-1,2:2008	< 1,0 x 10^1
5.	C.perfringens	CFU/g	ISO 7937:2004	Không có/ *nil*
6.	S.aureus	CFU/g	ISO 6888-1:1999	< 1,0 x 10^1
7.	B.cereus giả định *B.cereus presumtive*	CFU/g	TCVN 7903:2008	< 1,0 x 10^1
8.	Hàm lượng chì (*) *Lead content*	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0,03) *Not detected*
9.	Hàm lượng kali sorbate *Potassium sorbate content*	mg/kg	TN4/HD/N3-15	130,0
10.	Hàm lượng natri benzoate *Sodium benzoate content*	mg/kg	TN4/HD/N3-15	281,65

Ghi chú: (*) chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS
LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2020
KT. GIÁM ĐỐC/ *Director*

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HAI BÀ TRƯNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 20586 Quyển số: 06 SCT/BS
Ngày: 03-06-2020
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Sáng

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM/*Chief of lab No 4*

Đỗ Văn Thích

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*
This test results is value only for samples taken by customer.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.*
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
Name of sample and customer are written as customer's request.